

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
*Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018*  
*Kèm theo*  
**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**LƯU HVAC**  
Ngày.....tháng.....năm.....

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂN**

Địa chỉ: Số 5, KP2, đường Nguyễn Ái Quốc, P. Tân Phong,  
Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	10 - 25
<i>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</i>	6 - 7
<i>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</i>	8
<i>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</i>	9
<i>BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH</i>	10 - 25



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đồng Tân (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018.

### **KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đồng Tân được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Đồng Tân, Mã số doanh nghiệp 3600248576 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/06/2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/11/2017. Theo đó:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt : **Công ty Cổ phần Đồng Tân**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài : **Dong Tan Joint Stock Company**

Tên công ty viết tắt : **DOTA**

Trụ sở chính của công ty tại: Số 5, KP2, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ: 52.597.000.000 đồng. (Bằng chữ: Năm mươi hai tỷ, năm trăm chín mươi bảy triệu đồng chẵn)

### **HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Hoạt động của công ty là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Xây dựng công trình công ích; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét...../.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ**

Các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng của Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</b>
Ông Lâm Bá Tông	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm 22/11/2017
Ông Trần Chí Trung	Thành viên	Bổ nhiệm 22/11/2017
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Thành viên	Bổ nhiệm 22/11/2017

#### **Ban Giám đốc**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</b>
Ông Nguyễn Toàn Nghĩa	Giám đốc	Bổ nhiệm 01/06/2018
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Giám đốc	Miễn nhiệm 01/06/2018
Ông Trần Chí Trung	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm 01/07/2018
Bà Trần Thị Thúy An	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm 01/12/2017

#### **Ban Kiểm soát**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</b>
Ông Nguyễn Tài Đại	Trưởng ban	Bổ nhiệm 22/11/2017
Bà Nguyễn Ngọc Kỳ Duyên	Thành viên	Bổ nhiệm 22/11/2017
Bà Nguyễn Thị Mộng Vân	Thành viên	Bổ nhiệm 22/11/2017

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính và tại thời điểm lập báo cáo này là Ông Lâm Bá Tông chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương, thành viên hãng Eura Audit International đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 của Công ty.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc đã phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Biên Hòa, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Thay mặt và đại diện cho Công ty,



Nguyễn Toàn Nghĩa



THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ EURA AUDIT INTERNATIONAL



**EuraAuditInternational**

Số: 051/2019/BCKiT-HVAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đồng Tân

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đồng Tân được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Đồng Tân (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 20/03/2019, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### ***Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ***

Do được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày 31/12/2018 nên chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, công trình xây dựng cơ bản dở dang của Công ty tại ngày 31/12/2018, với những tài liệu hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán thông thường chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục này. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục khác được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn hoạt động kết thúc tại ngày 31/12/2018;

### **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG**

Trụ sở chính: P808, Tòa nhà CT5 - ĐN2, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-24) 3787 1421 / 3787 1780 \* Fax: (84-24) 3787 1422 \* Hotline: 0914 375 380

Email: tuanqnhvac2012@gmail.com \* Website: www.hvac.com.vn

Tại ngày 31/12/2018 các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ. Chúng tôi đã gửi thư xác nhận nhưng đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận các khoản công nợ phải thu, nợ phải trả này. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, bổ sung khác, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp làm cơ sở cho việc đưa ra ý kiến. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính chính xác và đúng đắn của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng tới các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động kết thúc tại ngày 31/12/2018 của Công ty.

### ***Ý kiến kiểm toán ngoại trừ***

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Đồng Tân** tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



\_\_\_\_\_  
**Ngô Quốc Hùng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
1285-2018-098-1

*Thay mặt và đại diện*  
**Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương**  
*Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019*

\_\_\_\_\_  
**Đậu Thị Hồng Hải**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0678-2018-098-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/12/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>97.906.162.405</b>	<b>143.120.838.255</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>4.404.513.197</b>	<b>37.479.233.857</b>
1. Tiền	111		4.404.513.197	37.479.233.857
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>45.982.000.000</b>	<b>51.082.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	123		45.982.000.000	51.082.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20.374.853.500</b>	<b>26.929.178.338</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	9.413.810.401	7.473.625.278
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	745.750.000	892.750.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	12.906.498.559	21.254.008.520
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2.691.205.460)	(2.691.205.460)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>27.144.795.708</b>	<b>27.630.426.060</b>
1. Hàng tồn kho	141		27.144.795.708	27.630.426.060
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>32.512.215.297</b>	<b>35.634.620.022</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.686.819.375</b>	<b>1.597.686.453</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	1.686.819.375	1.597.686.453
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.030.998.755</b>	<b>7.943.621.255</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	5.960.165.423	7.872.787.923
- Nguyên giá	222		18.089.773.737	18.089.773.737
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(12.129.608.314)	(10.216.985.814)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	70.833.332	70.833.332
- Nguyên giá	228		3.628.350.619	3.628.350.619
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.557.517.287)	(3.557.517.287)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>22.288.425.543</b>	<b>22.288.425.543</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản	242	V.9	22.288.425.543	22.288.425.543
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.505.971.624</b>	<b>3.804.886.771</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	2.505.971.624	3.804.886.771
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>130.418.377.702</b>	<b>178.755.458.277</b>

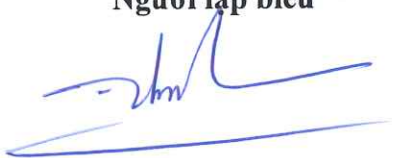
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/12/2017
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>52.633.172.471</b>	<b>126.158.458.277</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>52.181.534.936</b>	<b>125.706.820.742</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	6.643.789.523	7.607.053.855
2.. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	8.661.580.387	16.954.315.568
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.516.273.901	9.140.717.881
4. Phải trả người lao động	314		488.996.676	4.128.364.580
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	30.676.690.400	86.426.023.782
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.194.204.049	1.450.345.076
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>451.637.535</b>	<b>451.637.535</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	451.637.535	451.637.535
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>77.785.205.231</b>	<b>52.597.000.000</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>77.785.205.231</b>	<b>52.597.000.000</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52.597.000.000	52.597.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.597.000.000	52.597.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.269.412.447	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.918.792.784	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.918.792.784	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>130.418.377.702</b>	<b>178.755.458.277</b>

Ngày 20 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

  
Phạm Thị Hồng Thủy

Kế toán trưởng

  
Trần Thị Thúy An

Giám đốc

  
Nguyễn Toàn Nghĩa





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/12/2017 đến ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/12/2017 đến 31/12/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	116.648.583.642
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.1	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	116.648.583.642
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	62.327.828.656
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.320.754.986
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.167.898.998
7. Chi phí tài chính	22		-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	1.918.217.722
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	12.724.094.891
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.846.341.371
11. Thu nhập khác	31	VI.5	3.500.000.000
12. Chi phí khác	32	VI.6	131.275.367
13. Lợi nhuận khác	40		3.368.724.633
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46.215.066.004
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	9.761.155.561
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.453.910.443
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		6.744


Ngày 20 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

  
Phạm Thị Hồng Thủy

  
Trần Thị Thúy An

  
  
Nguyễn Toàn Nghĩa

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/12/2017 đến ngày 31/12/2018  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/12/2017 đến 31/12/2018
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		121.861.322.177
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(37.979.465.299)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.952.037.009)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(10.792.920.182)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.512.993.684
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(106.992.505.571)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(41.342.612.200)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(54.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		59.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.167.891.540
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>8.267.891.540</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(33.074.720.660)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>37.479.233.857</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>4.404.513.197</b>

Người lập biểu



Phạm Thị Hồng Thủy

Kế toán trưởng



Trần Thị Thúy An



Ngày 20 tháng 03 năm 2019

Giám đốc



Nguyễn Toàn Nghĩa

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đồng Tân được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Đồng Tân. Mã số doanh nghiệp 3600248576 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 06 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 11 năm 2017. Theo đó:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt : **Công ty Cổ phần Đồng Tân**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài : **Dong Tan Joint Stock Company**

Tên công ty viết tắt : **DOTA**

Trụ sở chính của công ty tại: Số 5, KP2, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ: 52.597.000.000 đồng. (Bằng chữ: Năm mươi hai tỷ, năm trăm chín mươi bảy triệu đồng chẵn)

**2. Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng, khai thác và thương mại ....**

**3. Ngành nghề kinh doanh chính**

Hoạt động của công ty là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Xây dựng công trình công ích; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét...../.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Tuy nhiên báo cáo này được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/12/2017 đến ngày 31/12/2018.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam “VND”, hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu B09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư tài chính là các khoản tiền gửi có thời hạn tại các ngân hàng thương mại.

**3. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo Thông tư 228. Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: là chi phí của các công trình chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Các chi phí đã phát sinh trong kỳ nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí, để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản cố định</b>	<b>Thời gian sử dụng (năm)</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 20
Tài sản cố định khác	05 - 20

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**7. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Quyền sử dụng đất và các tài sản vô hình khác là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**11. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập**

***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**13. Nguyên tắc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

***Các loại thuế khác***

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**14. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/12/2017 VND
Tiền mặt	2.756.349.547	99.073.910
Tiền gửi ngân hàng	1.648.163.650	37.380.159.947
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - CN ĐN</i>	746.007.957	189.217.744
<i>Ngân hàng TMCP Đại chúng VN - CN ĐN</i>	690.511.689	147.923.066
<i>Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN - CN ĐN</i>	211.644.004	37.043.019.137
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.404.513.197</b>	<b>37.479.233.857</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	Tại ngày 31/12/2018			Tại ngày 01/12/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
a. Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	45.982.000.000	45.982.000.000	-	51.082.000.000	51.082.000.000	-
<i>b.1. Ngắn hạn</i>	45.982.000.000	45.982.000.000	-	51.082.000.000	51.082.000.000	-
<i>- Tiền gửi có kỳ hạn</i>	45.982.000.000	45.982.000.000	-	51.082.000.000	51.082.000.000	-
<i>b.2. Dài hạn</i>	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>45.982.000.000</b>	<b>45.982.000.000</b>	<b>-</b>	<b>51.082.000.000</b>	<b>51.082.000.000</b>	<b>-</b>

**3. Phải thu ngắn hạn, dài hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/12/2017 VND
<b>a, Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	<b>9.413.810.401</b>	<b>7.473.625.278</b>
<i>Ban quản lý dự án 47/Bộ Tổng tham mưu Công ty Cổ phần VNDECO</i>	5.892.767.000	2.785.848.251
<i>Công ty CP Đầu tư PT Cường Thuận IDICO</i>	938.188.000	-
<i>Công ty TNHH Hồng Hà</i>	118.400.128	1.049.175.108
<i>Công ty TNHH TM Thuận Thành</i>	1.102.304.041	616.714.164
<i>Công ty TNHH TM Thuận Thành</i>	868.053.458	868.053.458
<i>Công ty TNHH XD-TM Nguyễn Tân Phú</i>	354.453.000	554.453.000
<i>Phòng NN và PT NT Huyện Vĩnh Cửu</i>	124.045.069	-
<i>Công ty TNHH MTV Thu Minh</i>	-	1.381.600.000
<i>Công ty TNHH MTV VLXD TM Hà Vân</i>	-	111.227.789
<i>Công ty TNHH Xây Dựng Ngọc Pháp</i>	-	68.239.232
<i>Các khách hàng khác</i>	15.599.705	38.314.276
<b>b, Phải thu dài hạn khách hàng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>9.413.810.401</b>	<b>7.473.625.278</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. Trả trước người bán ngắn hạn, dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/12/2017
	VND	VND
<b>a, Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>745.750.000</b>	<b>892.750.000</b>
<i>Viện khoa học và công nghệ hàng không</i>	50.000.000	50.000.000
<i>Công ty TNHH Tư vấn XD Thống Nhất TN</i>	420.000.000	420.000.000
<i>Cơ sở kinh doanh cao su Phú Hòa</i>	240.000.000	240.000.000
<i>Văn Phòng Luật Sư Nguyễn Đức</i>	35.750.000	35.750.000
<i>Trung tâm chuyển giao CN và DV Địa chất</i>	-	30.000.000
<i>Công ty CP Thẩm Định Giá Đồng Nai</i>	-	117.000.000
<b>b, Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>745.750.000</b>	<b>892.750.000</b>

**5. Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/12/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>12.906.498.559</b>	-	<b>21.254.008.520</b>	-
<i>Phải thu khác</i>	2.188.179.614	-	2.812.437.618	-
<i>Phải thu về cổ phần hóa</i>	-	-	474.744.900	-
<i>Công trình Gói thầu số 6 - Bộ CHQS</i>	1.361.990.637	-	1.361.990.637	-
<i>Công trình THADS huyện Phú Quốc</i>	387.120.669	-	517.461.455	-
<i>Công trình THADS Giang Thành</i>	409.068.308	-	458.240.626	-
<i>Phải thu khác - BP văn phòng Công ty</i>	30.000.000	-	-	-
<i>Tạm ứng</i>	10.718.318.945	-	18.441.570.902	-
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>	<b>1.686.819.375</b>	-	<b>1.597.686.453</b>	-
<i>Ký cược, ký quỹ dài hạn</i>	1.686.819.375	-	1.597.686.453	-
<b>Cộng</b>	<b>14.593.317.934</b>	-	<b>22.851.694.973</b>	-

**6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/12/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.875.380.222	-	8.325.864.906	-
Thành phẩm	25.269.415.486	-	19.304.561.154	-
<b>Cộng</b>	<b>27.144.795.708</b>	-	<b>27.630.426.060</b>	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/12/2017	11.381.783.274	351.574.500	4.854.023.841	1.502.392.122	18.089.773.737
Mua sắm mới	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	11.381.783.274	351.574.500	4.854.023.841	1.502.392.122	18.089.773.737
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/12/2017	5.148.445.328	161.966.646	3.755.013.052	1.151.560.788	10.216.985.814
Trích khấu hao	1.223.550.856	61.004.364	501.378.186	126.689.094	1.912.622.500
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	6.371.996.184	222.971.010	4.256.391.238	1.278.249.882	12.129.608.314
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/12/2017	6.233.337.946	189.607.854	1.099.010.789	350.831.334	7.872.787.923
Tại ngày 31/12/2018	5.009.787.090	128.603.490	597.632.603	224.142.240	5.960.165.423

**8. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Giấy phép khai thác chuyển nhượng	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/12/2017	1.721.406.960	933.438.182	973.505.477	3.628.350.619
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	1.721.406.960	933.438.182	973.505.477	3.628.350.619
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/12/2017	1.650.573.628	933.438.182	973.505.477	3.557.517.287
Trích khấu hao	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	1.650.573.628	933.438.182	973.505.477	3.557.517.287
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/12/2017	70.833.332	-	-	70.833.332
Tại ngày 31/12/2018	70.833.332	-	-	70.833.332

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/12/2017
	VND	VND
Trung tâm thương mại Đồng Tân	19.040.929.543	19.040.929.543
Chi phí đền bù đất Trường bán Quốc gia KV3	3.247.496.000	3.247.496.000
<b>Cộng</b>	<b>22.288.425.543</b>	<b>22.288.425.543</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/12/2017
	VND	VND
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	-	-
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>2.505.971.624</b>	<b>3.804.886.771</b>
<i>Chi phí trung tâm thương mại Đồng Tân</i>	<i>118.028.119</i>	<i>118.028.119</i>
<i>Chi phí hỗ trợ tài sản, hoa màu trên đất</i>	<i>-</i>	<i>13.333.341</i>
<i>Chi phí gia hạn giấy phép cát Đới cát 1</i>	<i>546.563.177</i>	<i>628.233.545</i>
<i>Chi phí gia hạn giấy phép cát Đới cát 3</i>	<i>309.090.904</i>	<i>476.515.148</i>
<i>Chi phí thi công san lấp</i>	<i>-</i>	<i>170.410.564</i>
<i>Công cụ dụng cụ phân bổ hết giá trị đánh giá l.</i>	<i>62.601.237</i>	<i>97.984.545</i>
<i>Lợi thế kinh doanh</i>	<i>1.469.688.187</i>	<i>2.300.381.509</i>
<b>Cộng</b>	<b>2.505.971.624</b>	<b>3.804.886.771</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/12/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>6.643.789.523</b>	<b>6.643.789.523</b>	<b>7.607.053.855</b>	<b>7.607.053.855</b>
<i>Công ty TNHH XD và TM Hùng Hưng</i>	<i>528.310.080</i>	<i>528.310.080</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CP ĐT XD và TM Đông Tây</i>	<i>546.071.481</i>	<i>546.071.481</i>	<i>546.071.481</i>	<i>546.071.481</i>
<i>Công ty CP Thế giới VL Xây Dựng</i>	<i>12.420.000</i>	<i>12.420.000</i>	<i>12.420.000</i>	<i>12.420.000</i>
<i>Công ty TNHH Cát Đăng</i>	<i>50.771.345</i>	<i>50.771.345</i>	<i>50.771.345</i>	<i>50.771.345</i>
<i>Công ty TNHH XD và MT Bảo Minh</i>	<i>63.000.000</i>	<i>63.000.000</i>	<i>63.000.000</i>	<i>63.000.000</i>
<i>Công ty TNHH MTV XD Nguyễn Anh</i>	<i>55.183.000</i>	<i>55.183.000</i>	<i>55.183.000</i>	<i>55.183.000</i>
<i>Công ty TNHH Minh Ý</i>	<i>794.203.000</i>	<i>794.203.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH XD Ngọc Hạnh</i>	<i>4.489.633.982</i>	<i>4.489.633.982</i>	<i>1.417.361.277</i>	<i>1.417.361.277</i>
<i>Công ty TNHH Châu Hoài Bảo</i>	<i>56.728.401</i>	<i>56.728.401</i>	<i>82.916.000</i>	<i>82.916.000</i>
<i>Công ty TNHH DIMINA</i>	<i>47.468.234</i>	<i>47.468.234</i>	<i>47.468.234</i>	<i>47.468.234</i>
<i>Công ty TNHH Tuấn Long</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>812.000.000</i>	<i>812.000.000</i>
<i>Công ty TNHH MTV Xây dựng CKD</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>163.004.000</i>	<i>163.004.000</i>
<i>Công ty TNHH Đắc Nam</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>151.650.000</i>	<i>151.650.000</i>
<i>Công ty TNHH SX-XD-TM Quốc Vinh</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>4.205.208.518</i>	<i>4.205.208.518</i>
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>6.643.789.523</b>	<b>6.643.789.523</b>	<b>7.607.053.855</b>	<b>7.607.053.855</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn, dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/12/2017 VND
<b>a, Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>8.661.580.387</b>	<b>16.954.315.568</b>
<i>Bộ CHQS tỉnh Đồng Nai</i>	3.730.227.000	3.730.227.000
<i>Chi cục Thi hành án huyện Giang Thành</i>	655.001.915	6.805.582.014
<i>Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc -</i>	2.516.130.613	4.204.629.355
<i>Công ty TNHH Bá Lộc</i>	41.085.101	-
<i>Ban quản lý dự án 47/Bộ Tổng tham mưu</i>	-	1.878.153.000
<i>Công ty TNHH MTV ĐT - XD Hưng Hoàng Lợi</i>	-	90.000.000
<i>Công ty TNHH Xây dựng Hùng Võ</i>	-	144.154.184
<i>Các khách hàng khác</i>	1.719.135.758	101.570.015
<b>b, Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.661.580.387</b>	<b>16.954.315.568</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 01/12/2017 VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	88.622.724	7.863.763.011	8.379.478.690	604.338.403
Thuế thu nhập doanh nghiệp	972.556.453	10.212.409.612	10.792.920.181	1.553.067.022
Thuế thu nhập cá nhân	34.741.284	202.372.254	176.927.448	9.296.478
Thuế tài nguyên	2.175.661.440	16.179.229.052	15.785.904.857	1.782.337.245
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	30.571.042	199.615.417	169.044.375
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	244.692.000	3.811.918.647	8.589.861.005	5.022.634.358
<b>Cộng</b>	<b>3.516.273.901</b>	<b>38.300.263.618</b>	<b>43.924.707.598</b>	<b>9.140.717.881</b>

**14. Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/12/2017 VND
<b>a, Phải trả, phải nộp ngắn hạn</b>	<b>30.676.690.400</b>	<b>86.426.023.782</b>
<i>Kinh phí công đoàn</i>	-	9.235.822
<i>Phải trả kinh phí BHXH Cty Đông Hải cấp</i>	114.966.111	148.175.831
<i>Phải trả Công ty CP Đầu tư An Phong</i>	21.020.472.246	21.020.472.246
<i>Phải trả khác</i>	672.227.750	461.555.051
<i>Chi công tác xã hội</i>	979.474.293	-
<i>Phải nộp chi tiêu kế hoạch QK7, BCH tỉnh</i>	-	9.933.000.000
<i>Phải trả cổ tức</i>	7.889.550.000	-
<i>Phải trả về cổ phần hóa</i>	-	54.853.584.832
<b>b, Phải trả, phải nộp dài hạn</b>	<b>451.637.535</b>	<b>451.637.535</b>
<i>Tiền ký quỹ phục hồi môi trường các đội mỏ</i>	451.637.535	451.637.535
<b>Cộng</b>	<b>31.128.327.935</b>	<b>86.877.661.317</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**15. Vốn chủ sở hữu**

**15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/12/2017	52.597.000.000	-	-	52.597.000.000
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	-	10.269.412.447	-	10.269.412.447
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	36.453.910.443	36.453.910.443
Phân phối các quỹ	-	-	(11.249.371.420)	(11.249.371.420)
Giảm trong kỳ	-	-	(10.285.746.239)	(10.285.746.239)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>52.597.000.000</b>	<b>10.269.412.447</b>	<b>14.918.792.784</b>	<b>77.785.205.231</b>

**15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/12/2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Đông Hải	23.668.650.000	23.668.650.000
Công ty TNHH Xăng dầu Tân Phong	11.646.280.000	11.646.280.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ngọc Hạnh	11.646.280.000	11.646.280.000
Vốn góp của các đối tượng khác	5.635.790.000	5.635.790.000
<b>Cộng</b>	<b>52.597.000.000</b>	<b>52.597.000.000</b>

**15c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/12/2017
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	52.597.000.000	52.597.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>52.597.000.000</b>	<b>52.597.000.000</b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Từ 01/12/2017  
đến 31/12/2018  
VND

<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>116.648.583.642</b>
<i>Doanh thu bán cát, đá</i>	95.220.397.920
<i>Doanh thu Cảng Tân An</i>	109.090.908
<i>Doanh thu các công trình xây dựng</i>	21.319.094.814
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>116.648.583.642</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Từ 01/12/2017  
đến 31/12/2018  
VND

Giá vốn bán cát đá	41.315.621.134
Giá vốn Cảng Tân An	411.752.721
Giá vốn các công trình xây dựng	20.600.454.801
<b>Cộng</b>	<b>62.327.828.656</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Từ 01/12/2017  
đến 31/12/2018  
VND

Lãi tiền gửi ngân hàng	3.167.898.998
<b>Cộng</b>	<b>3.167.898.998</b>

**4. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

**a. Chi phí bán hàng**

Từ 01/12/2017  
đến 31/12/2018  
VND

Chi phí bán cát đội 1	1.153.597.178
Chi phí bán cát đội 2	328.174.409
Chi phí bán cát đội 3	394.815.407
Chi phí bán cát đội 4	41.630.728
<b>Cộng</b>	<b>1.918.217.722</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**b. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/12/2017 đến 31/12/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.621.937.960
Chi phí đồ dùng văn phòng	98.532.727
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.413.390.480
Thuế, phí và lệ phí	17.369.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	994.105.348
Chi phí bằng tiền khác	6.578.759.211
<b>Cộng</b>	<b>12.724.094.891</b>
<b>5. Thu nhập khác</b>	
	Từ 01/12/2017 đến 31/12/2018 VND
Thu từ bán thanh lý TSCĐ	-
Vận chuyển đá	-
Thu nhập khác	3.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.500.000.000</b>
<b>6. Chi phí khác</b>	
	Từ 01/12/2017 đến 31/12/2018 VND
Nhiên liệu vận chuyển đá	-
Các khoản chi phí khác	131.275.367
<b>Cộng</b>	<b>131.275.367</b>
<b>7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	
	Từ 01/12/2017 đến 31/12/2018 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>46.215.066.004</b>
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	-
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	2.590.711.799
<b>Thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>48.805.777.803</b>
Thuế suất	20%
Thuế thu nhập phải trả ước tính	9.761.155.561
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>9.761.155.561</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

**Từ 01/12/2017**

**đến 31/12/2018**

**VND**

Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	5.585.913.437
Chi phí nhân công trực tiếp	8.881.750.249
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.245.566.937
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.656.627.027
Chi phí bằng tiền khác	25.114.653.267

**Cộng**

**76.484.510.917**

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Thu nhập của Ban Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty trong kỳ:

Họ tên	Chức vụ	Từ 01/12/2017 đến 31/12/2018 VND
Ông Nguyễn Toàn Nghĩa	Giám đốc từ 01/06/2018 đến nay	193.175.000
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Giám đốc từ 01/12/2017 đến 30/05/2018	181.850.000
Ông Trần Chí Trung	Phó Giám đốc từ 01/07/2018 đến nay	134.204.000
Ông Nguyễn Tài Đại	Trưởng Ban Kiểm soát	311.883.333
Bà Trần Thị Thuý An	Kế toán trưởng	276.850.000
<b>Cộng</b>		<b>1.097.962.333</b>

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu đầu kỳ là số liệu trên Biên bản giao Tài sản, tiền vốn và lao động của Công ty TNHH MTV Đồng Tân cho Công ty Cổ phần Đồng Tân tại ngày 01/12/2017 số 173/BBBG-ĐT.

**4. Khả năng hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục với giả thiết là Công ty tiếp tục hoạt động trong tương lai. Tuy nhiên sự hoạt động liên tục của Công ty tùy thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ, hỗ trợ tài chính của chủ đầu tư hay mở rộng thị trường của Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Mẫu B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. Những thông tin khác**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Ngày 20 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Thủy

Trần Thị Thúy An

Nguyễn Toàn Nghĩa